

Số: **600/2022/QĐST-HNGĐ**

*Hoàng Mai, ngày 29 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 551/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N** - sinh năm: 1979;  
HKTT: Số 4 ngõ 92 TĐN, phường DT, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Phòng 26--, Park 9 khu đô thị V, số 25 ngõ 13 đường LN, phường MĐ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn: Anh Trần Tuấn T** - sinh năm: 1979;  
HKTT: Số 4 ngõ 92 TĐN, phường DT, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Phòng 26--, Park 9 khu đô thị V, số 25 ngõ 13, đường LN, phường MĐ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Tuấn T.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung*: Xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Tuấn T có 03 con chung Cháu tên là Trần Nhật L1 – sinh ngày 29/12/20087, cháu Trần Thảo L2 – sinh ngày 25/12/2011, cháu Trần Hạ L3 – sinh ngày 13/10/2018.

Ly hôn anh chị thỏa thuận, giao cả 3 con chung Trần Nhật L1, Trần Thảo L2, Trần Hạ L3 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc cho đến khi có quyết định khác thay thế. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị thỏa thuận anh Trần Tuấn T tự nguyện cấp dưỡng 30.000.000 đồng/ 1 tháng/ 03 con chung (Cụ thể mỗi cháu là 10.000.000 đồng/1 tháng) cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Tuấn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Tuấn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Tuấn T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Minh N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; Được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0049358 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Hà Nội. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Minh N số tiền 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0049676 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Hà Nội. Hoàn trả anh Trần Tuấn T số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0049571 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Hà Nội.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

### **Nơi nhận :**

- VKSND quận Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- UBND phường ĐT, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ./.

**Thẩm phán**

**Quách Mạnh Thành**